

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 32/2021/HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2020
“V/v tranh chấp ly hôn, chia con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Hoàng Văn Khảm.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXX - ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa, các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn L 1, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2021, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố V vào ngày 25 tháng 3 năm 2016. Trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều được tự do tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới, chị P về làm dâu gia đình nhà anh ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng tháng 8 năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh phát hiện chị P có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh khuyên bảo nhiều lần nhưng chị không thay đổi. Tháng 3/2021, vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả

hai người không ai có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy, anh và chị P không còn tình cảm và không thể sống chung được với nhau nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị P, được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của chị P. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của ông Nguyễn Hữu Bằng là bố đẻ của chị P.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2021, ông B trình bày.

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng anh T chị P như lời trình bày trên của anh T là đúng. Ông B thừa nhận, vợ chồng anh T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T nghi ngờ chị P không chung thủy. Anh T và chị P sống ly thân nhau từ tháng 4/2020 không phải tháng 3/2021 như lời trình bày của anh T. Do cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị P về nhà ông sinh sống, hàng ngày chị P đi làm công nhân tại khu Công nghiệp M, huyện M, thành phố Hà Nội, khi Tòa án gửi các văn bản về cho chị P, gia đình ông đều nhận được đầy đủ. Ông là người trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án, sau khi nhận được văn bản của Tòa án, ông đã trực tiếp thông báo cho chị P biết nội dung văn bản của Tòa án và bảo chị P về Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc để giải quyết việc ly hôn nhưng do chị P đang đi làm bận nên không về Tòa án để làm việc được, chị P có nói lại cho ông biết quan điểm của chị P là đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T và ông B đều xác định, vợ chồng anh T, chị P có 02 con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/12/2017 và Nguyễn Trung G, sinh ngày 28/3/2020. Hiện tại, cháu K đang ở với anh T, cháu G đang ở với chị P. Ly hôn, nguyện vọng của anh T đề nghị được giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện tại. Anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng. Còn nguyện vọng của chị P thông qua ông B cũng đồng ý với yêu cầu trên của anh T nhưng chị P muốn yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Anh T xác định vợ chồng không có gì nên ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do không lấy được lời khai của chị P nên không biết được quan điểm của chị P về các vấn đề trên ra sao.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nên Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T và cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/12/2017. Giao cho chị Nguyễn Thị P được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trung G, sinh ngày 28/3/2020. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và không ai được cản trở quyền thăm nom con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn và chia con chung. Chị P hiện đang sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ tại thôn L 1, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị P là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị P.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Anh T xác định, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P. Căn cứ vào lời trình bày của anh T, ông B là bố đẻ của chị P đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh T và chị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc cho nên cần xác định, cuộc hôn nhân của anh T và chị P là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, anh T và ông B (bố đẻ chị P) đều thừa nhận. Trong cuộc sống hàng ngày, anh T và chị P có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do, vợ chồng sống mất niềm tin lẫn nhau dẫn đến thiếu sự quan tâm chia sẻ. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì cả anh T và chị P không ai tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm mà chọn cách sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, anh T và chị P đều không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Chị P tuy biết việc anh T xin ly hôn nhưng cũng không về làm việc để hàn gắn tình cảm, thông qua ông B chị P đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị P đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Anh T và ông B đều xác định, vợ chồng anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/12/2017 và cháu Nguyễn Trung G, sinh ngày 28/3/2020. Hiện tại, cháu K đang ở với anh T, còn cháu G đang ở với chị P. Ly hôn, nguyện vọng của anh T đề nghị được giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện tại. Anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, chị P tiếp tục nuôi dưỡng cháu G. Mặc dù Tòa án không thể trực tiếp lấy được lời khai của chị P nhưng thông qua gia đình, Tòa án cũng biết được nguyện vọng của chị P là đồng ý như nguyện vọng của anh T và đề nghị được giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện tại. Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án về điều kiện nuôi con của anh T, chị P; lời khai của các bên đương sự đồng thời tránh làm sáo trộn cuộc sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu nên việc giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy K và giao cho chị P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trung G cho đến khi các con thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81, Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Sau này, nếu chị P có nguyện vọng dịch chuyển quyền nuôi con thì chị P sẽ đề nghị chuyển dịch quyền nuôi con bằng một vụ án khác. Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc con

chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu nhưng thông qua lời trình bày của ông B thì chị P có nguyện vọng yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, chị P không thể hiện rõ yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con bao nhiêu và từ thời gian nào. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị P đến làm việc nhưng chị P không đến làm việc cũng như không tham gia phiên tòa xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét yêu cầu này của chị P. Nếu chị P tiếp tục yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh T không yêu cầu giải quyết, Tòa án không lấy được lời khai của chị P. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh T đã nộp đủ.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

2/ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/12/2017 cho anh Nguyễn Văn T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Nguyễn Trung G, sinh ngày 28/3/2020 cho chị Nguyễn Thị P được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0000169 ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

Đương sự có mặt, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh